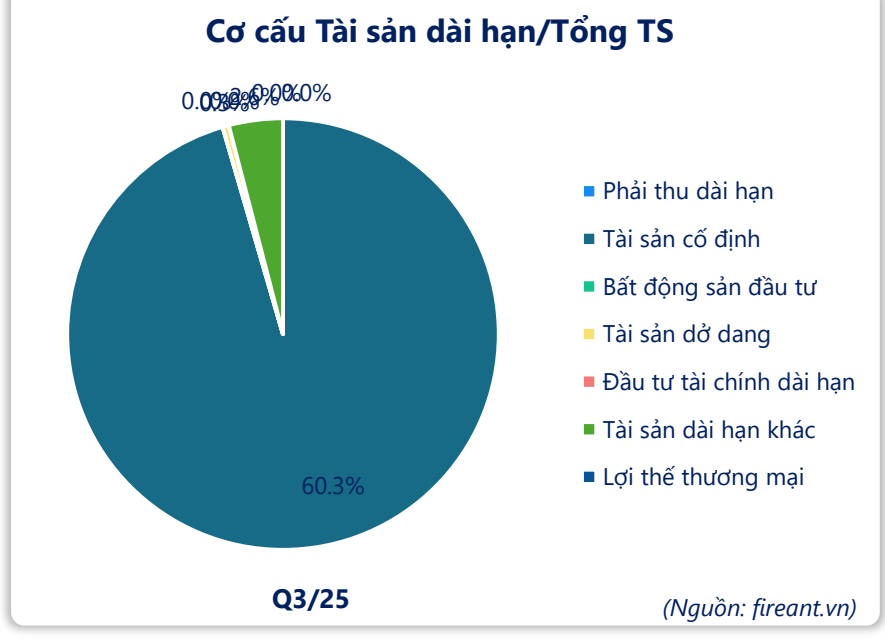
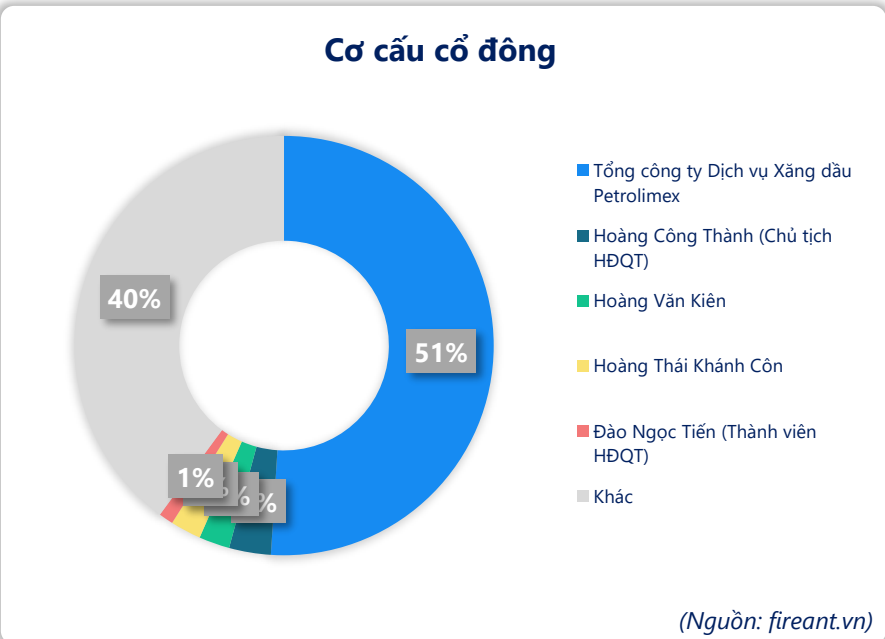
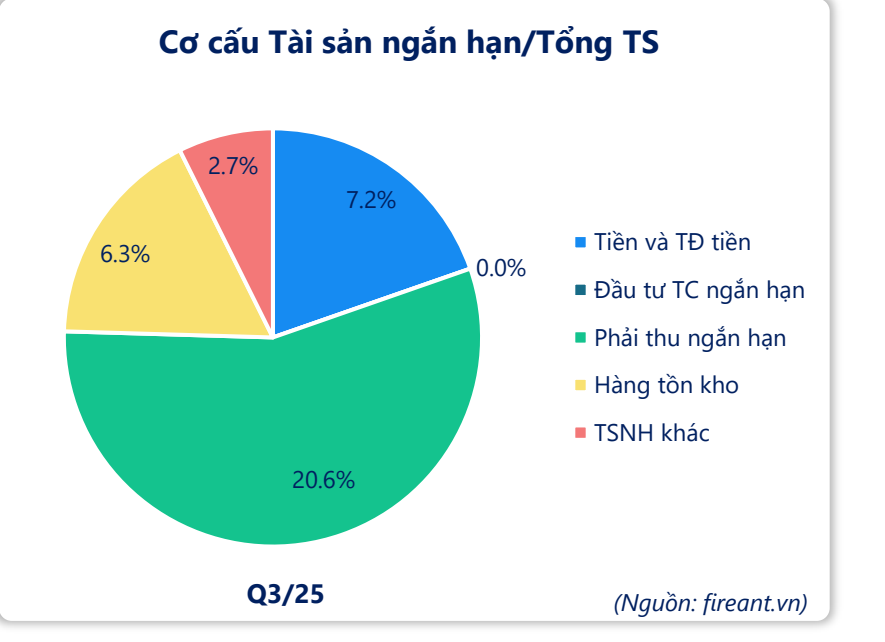
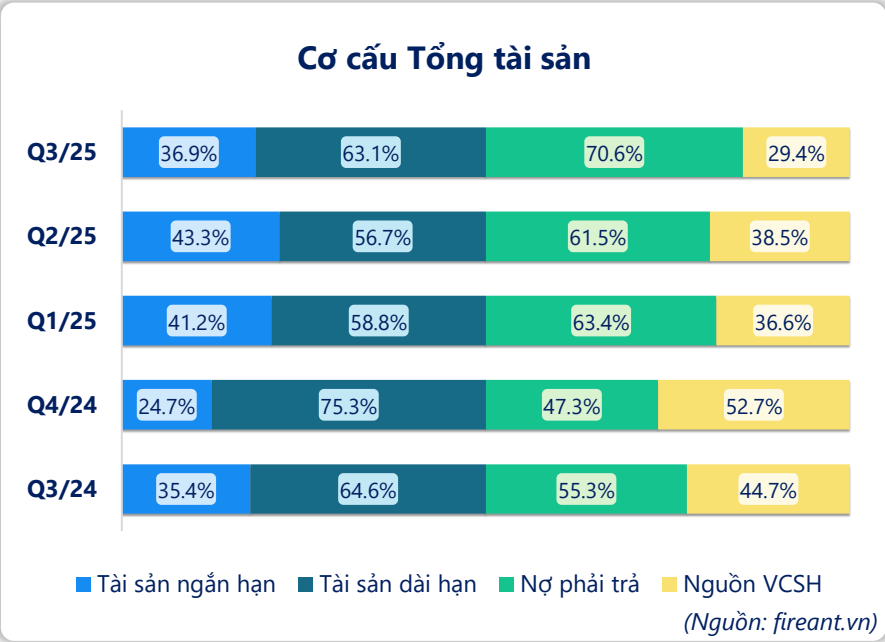
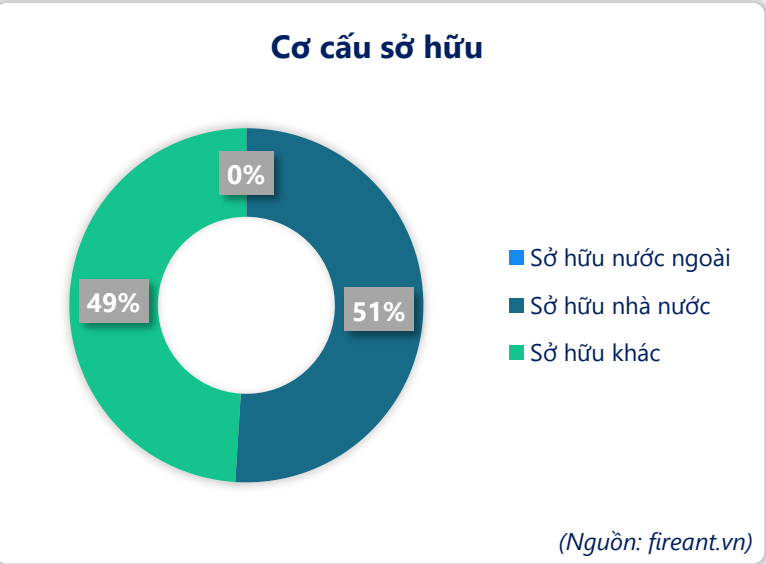
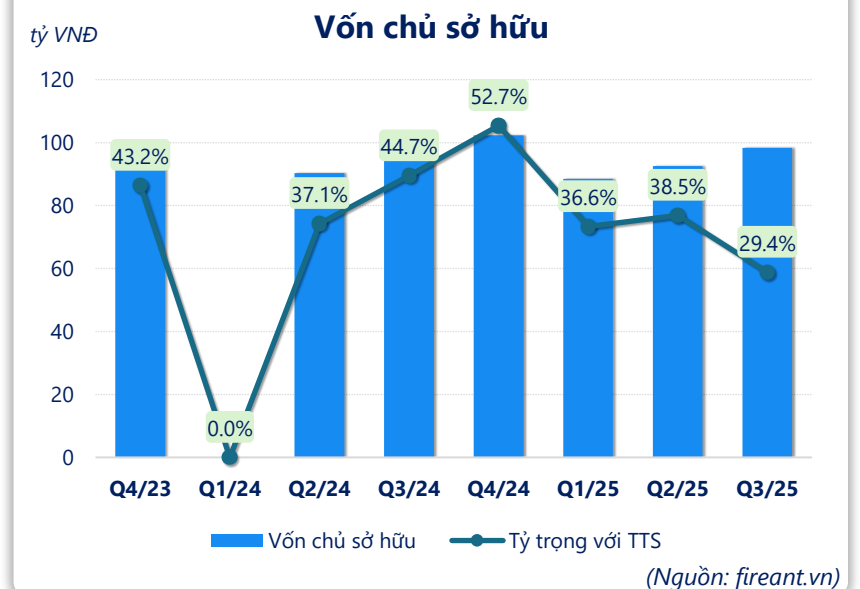
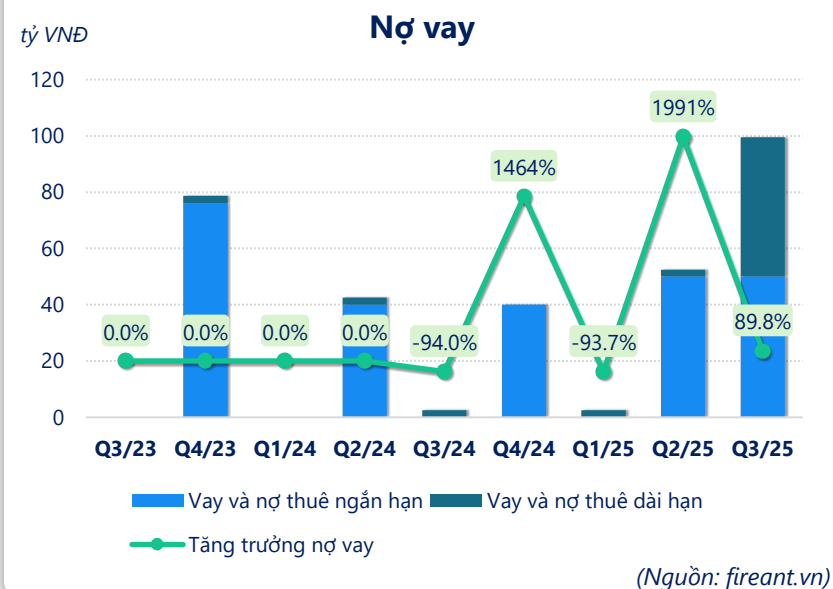
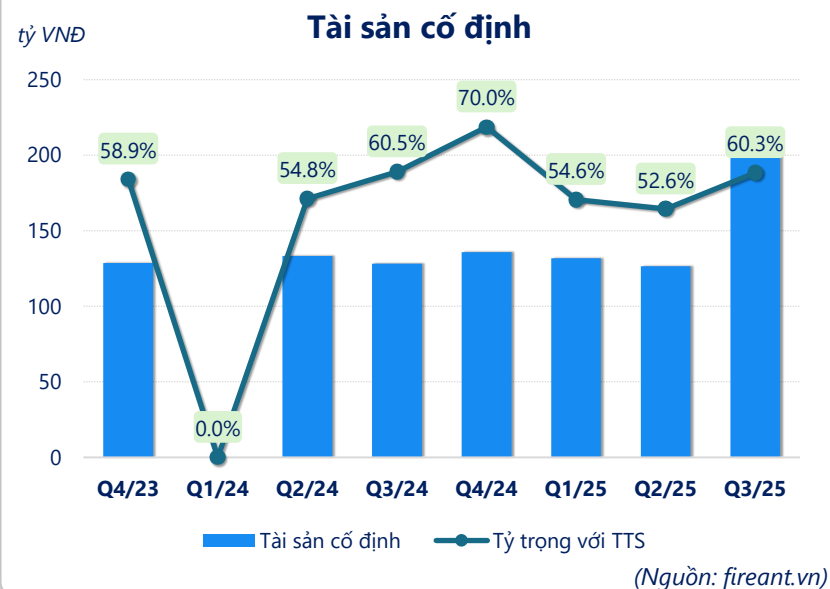
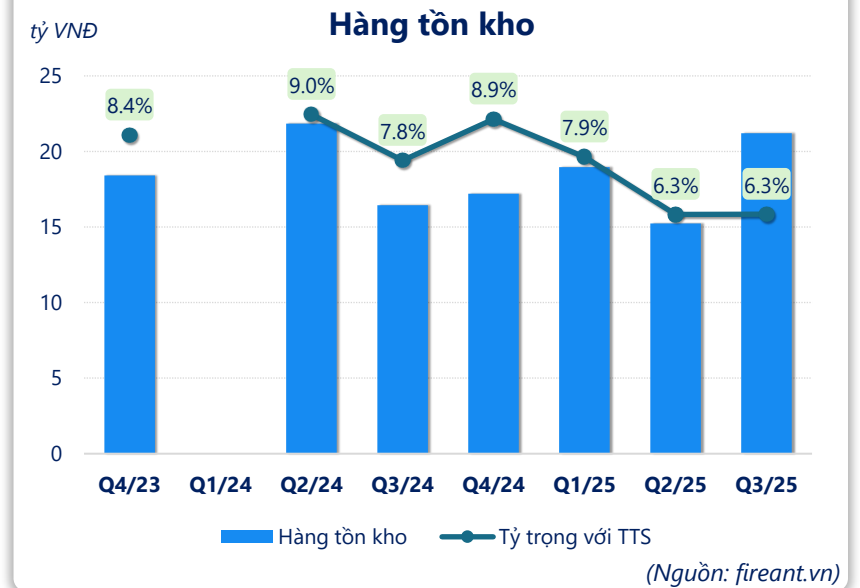
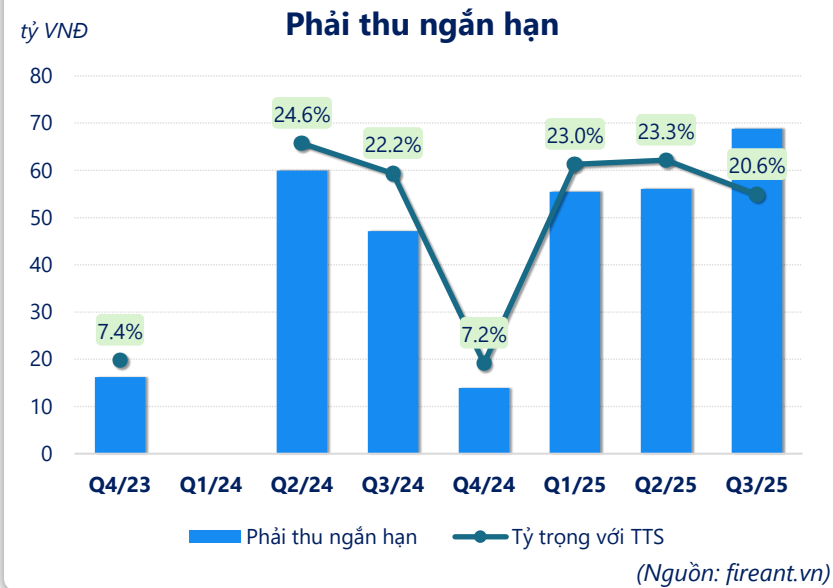
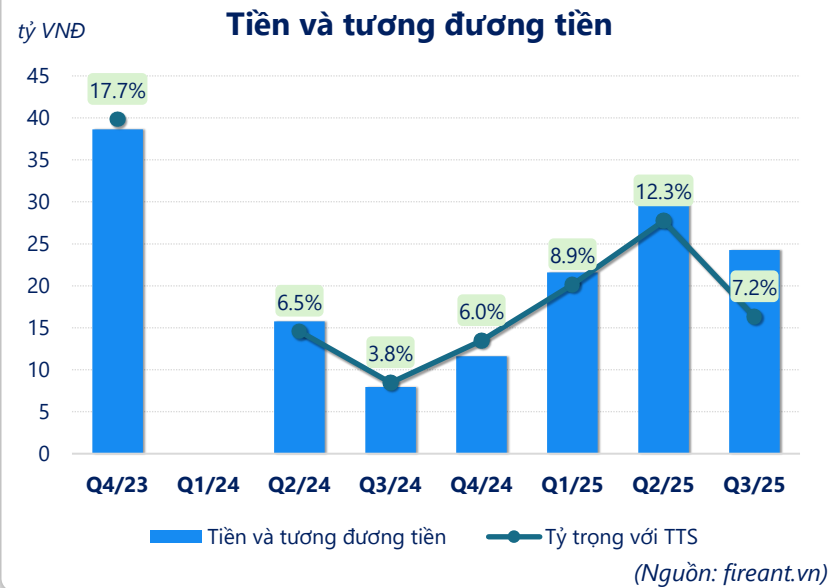
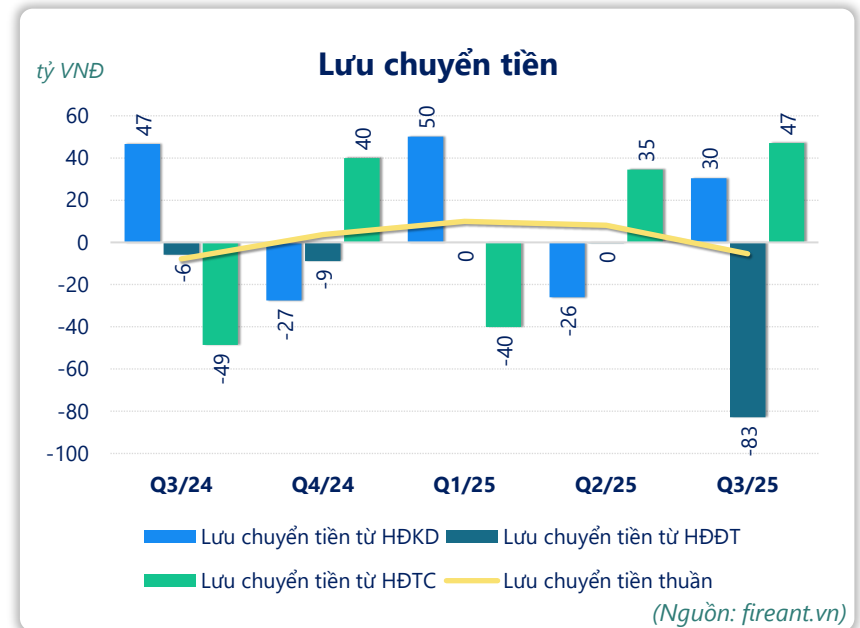
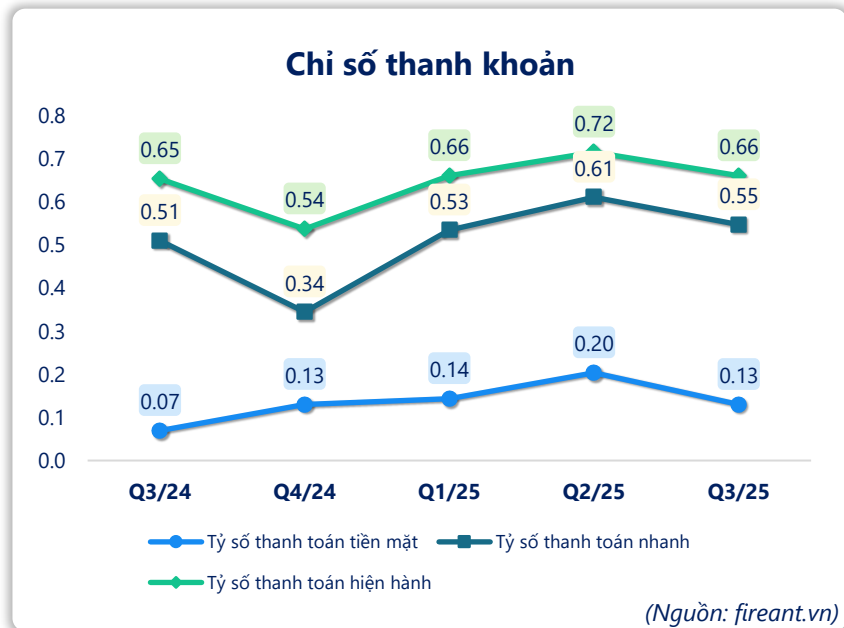
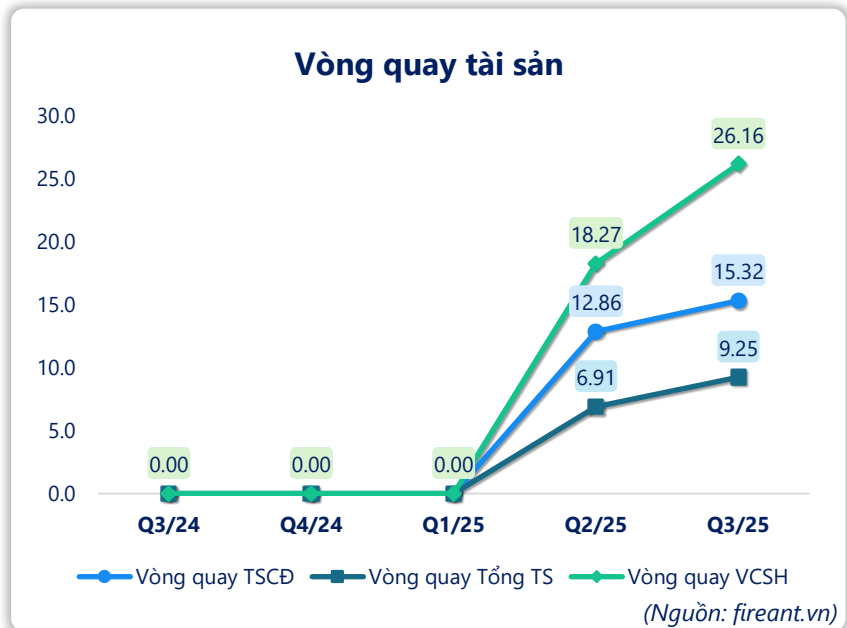
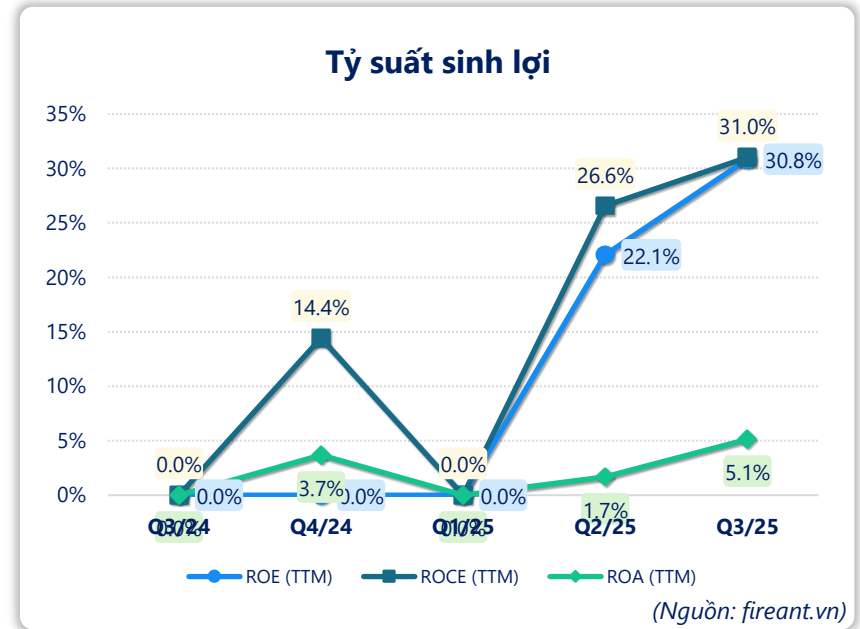
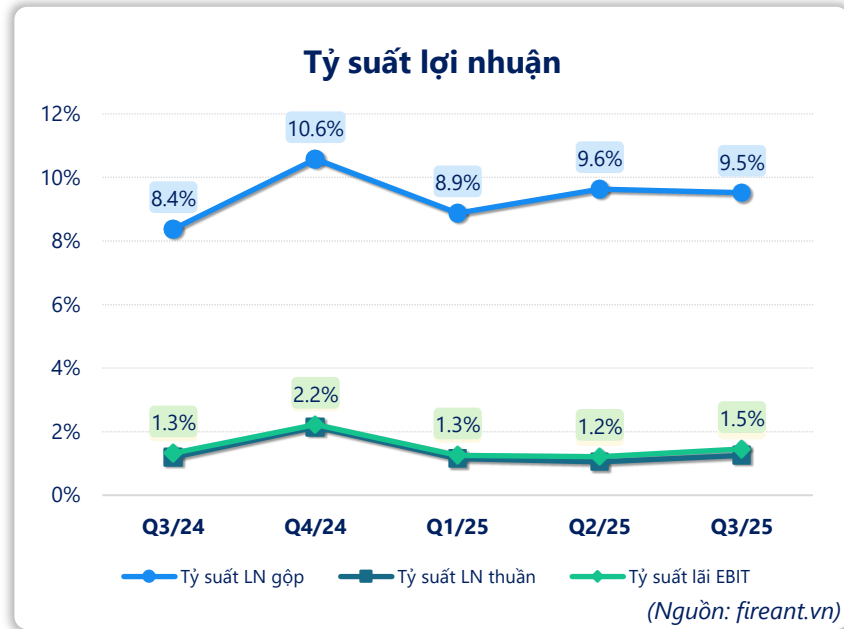
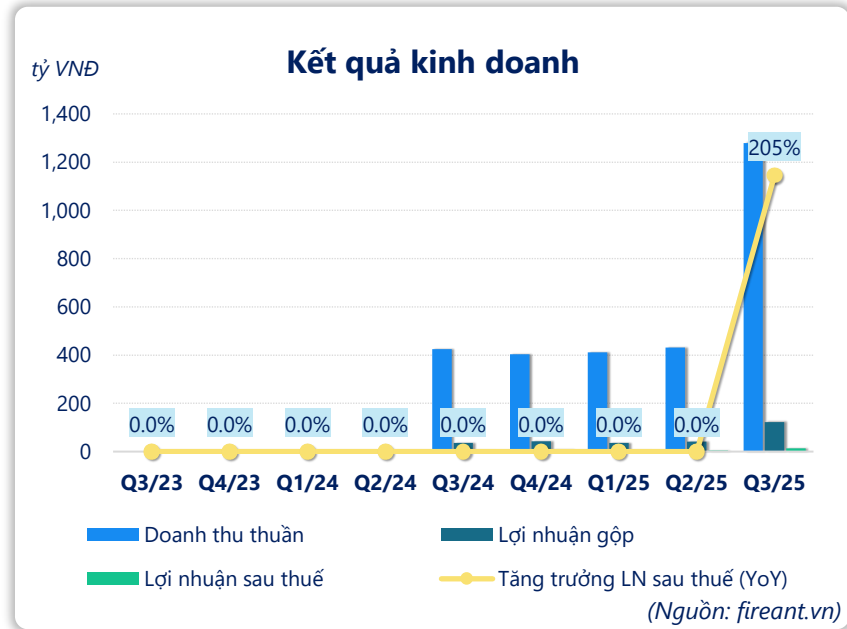


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		26,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		30,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		14,512
SL cổ phiếu LH		6,432,453
KLGD BQ 20 phiên (CP)		100
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		173
P/E		5.8
EPS		4,629

	YTD	1T	3T	6T
PTX	66.6%	-3.9%	28.1%	48.3%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	19.8%	37.3%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	335	194	72.1%
Tài sản ngắn hạn	123	46.4	166%
Tiền và tương đương tiền	24.2	11.6	109%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	68.8	13.9	395%
Hàng tồn kho	21.2	17.2	23.0%
Tài sản ngắn hạn khác	9.06	3.63	150%
Tài sản dài hạn	211	148	42.7%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	202	138	46.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.99	0.95	4.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	8.55	9.22	-7.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	236	92.0	157%
Nợ ngắn hạn	187	89.5	109%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	50.0	40.0	25.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	84.8	7.42	1044%
Nợ dài hạn	49.5	2.56	1839%
Vay và nợ thuê dài hạn	49.5	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	98.4	102	-3.9%
Vốn chủ sở hữu	98.4	102	-3.9%
Vốn điều lệ	64.3	64.3	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	424	404	412	431	1,280
Giá vốn hàng bán	388	361	375	389	1,158
Lợi nhuận gộp	35.5	42.7	36.6	41.5	122
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00	0.01	0.02	0.06
Chi phí TC	0.32	0.18	0.55	1.23	3.87
Chi phí lãi vay	0.21	0.01	0.25	0.30	1.67
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	20.8	25.5	22.0	25.4	69.9
Chi phí QLDN	9.40	8.39	9.27	10.4	32.1
LN thuần từ HĐKD	5.04	8.67	4.73	4.52	16.1
Lợi nhuận khác	0.34	0.30	0.19	0.41	0.92
LN trước thuế	5.39	8.97	4.92	4.92	17.0
Lợi nhuận sau thuế	4.41	7.58	4.11	4.07	14.0
LNST của CĐ cty mẹ	4.41	7.58	4.11	4.07	14.0

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	46.6	-27.5	50.1	-26.0	30.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-5.90	-8.84	-0.11	-0.41	-82.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-48.5	40.0	-40.0	34.5	47.1
Tiền đầu kỳ	15.8	7.96	11.6	21.6	29.6
Lưu chuyển tiền thuần	-7.81	3.66	9.97	8.06	-5.40
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	7.96	11.6	21.6	29.6	24.2

(Nguồn: fireant.vn)